TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **79**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2021
V/v: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Và Kíu.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài
Ông Đặng Quang Hoạch
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Sùng A Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2021/QĐST – HNGĐ ngày 05/7/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Ngọc H** – sinh năm 1976
Trú tại: Số 12, đường số 9, ấp QP, xã QT, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Như S** – sinh năm 1968
Trú tại: Số 2716, ấp TH, xã HN 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
(chị H, anh S cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Như S tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn ngày 06/4/1999 tại UBND xã HN 3, huyện Thống Nhất (nay là huyện Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm nhau, thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2017 đến nay, chị và anh S không sống chung với nhau không ai thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Nay tình cảm của chị H đối với anh S không còn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Như S.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung là Nguyễn Như Quỳnh N, sinh ngày 01/6/2000 và cháu Nguyễn Như Đức Đ, sinh năm 2001.

Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Như S trình bày:

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, anh Nguyễn Như S không cung cấp bản tự khai thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh S tới trụ sở Tòa án để lấy lời khai và hòa giải nhưng anh S đều vắng mặt.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về nội dung: Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc H là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị H được ly hôn với anh S. Về con chung: Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, do vậy HĐXX không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Trần Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Như S sinh năm: 1968 có nơi cư trú tại: số 2716 ấp TH, xã HN 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – là chị Trần Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 11 tháng 6 năm 2021. Bị đơn – anh Nguyễn Như S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Hòa và anh Nguyễn Như S.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06 tháng 4 năm 1999 , hôn nhân của chị Hòa và anh S phù hợp với các Điều 5; Điều 6; Đều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị H giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Như S.

Do cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do không có sự tin tưởng nhau về vấn đề kinh tế lẫn tình cảm, vợ chồng không có sự thông cảm và chia sẻ. Từ cuối năm 2017, chị H và anh S không sống cùng với nhau, không ai quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai người đó sống, vợ chồng không thương yêu, quý trọng nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng với nhau.

Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh S đến Tòa án làm việc, hòa giải để đưa ra những biện pháp hàn gắn tình cảm để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ xây dựng gia đình. Tuy nhiên tại các buổi làm việc, hoà giải cũng như tại phiên tòa, anh S vắng mặt thể hiện việc không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ gia đình.

Từ những nhận định, phân tích trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H yêu cầu ly hôn với anh S là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 xét cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc H.

3.2 - Về con chung: Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động, HĐXX không xem xét.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hòa trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị Hòa phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 220; 227; 228; 264; 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 5; Điều 6; Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc H đối với anh Nguyễn Như S về việc *"Tranh chấp ly hôn"*.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Như S.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Hòa đã nộp theo biên lai thu số 0007327 ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Chị Hòa, anh Sơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS;
- Đương sự;
- UBND xã Hố Nai 3;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Và Kíu